

Ngày 30/09/2025	7,490 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.1%	-2.7%	-6.4%

	Q3/25	
ROE	0.7%	+/- YoY ▲ 4.3%

	Q3/25		
DT thuần	180	QoQ ▲ 3.00	YoY ▼ 5.00
		▲ 1.5%	▼ 2.9%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	507	YoY ▼ 56.0
		▼ 10.0%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	53.7	QoQ ▲ 10.0	YoY ▲ 13.6
		▲ 22.8%	▲ 33.8%
	tỷ VNĐ		

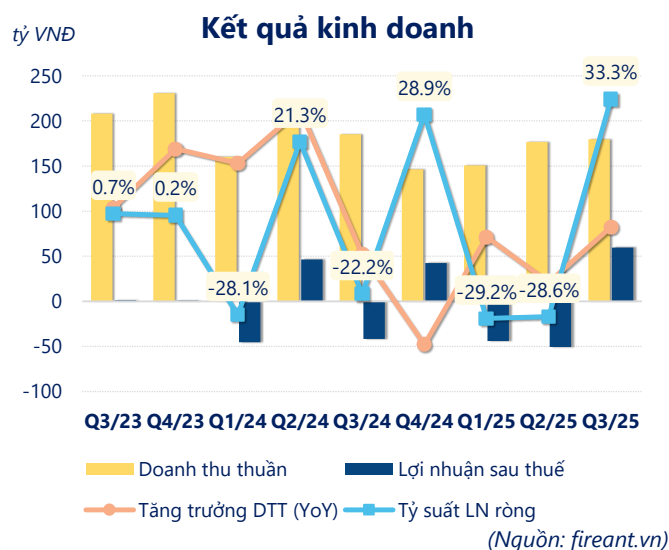
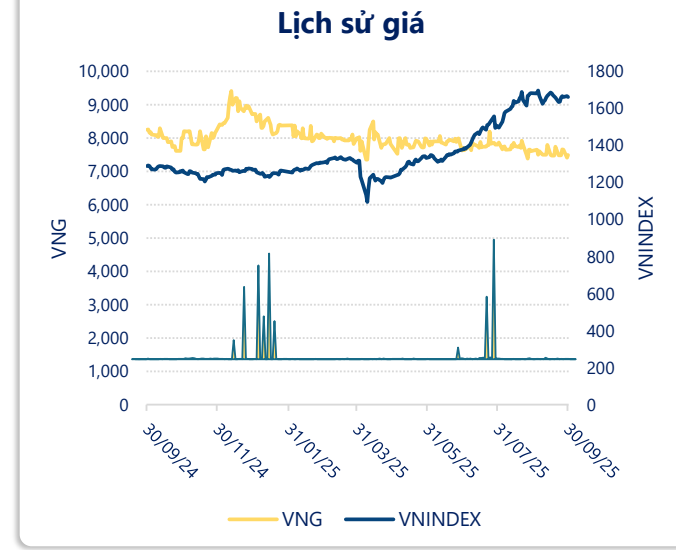
	9T 2025	
LN gộp	134	YoY ▼ 22.0
		▼ 14.2%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	68.2	QoQ ▲ 113	YoY ▲ 114
		▲ 254%	▲ 250%
	tỷ VNĐ		

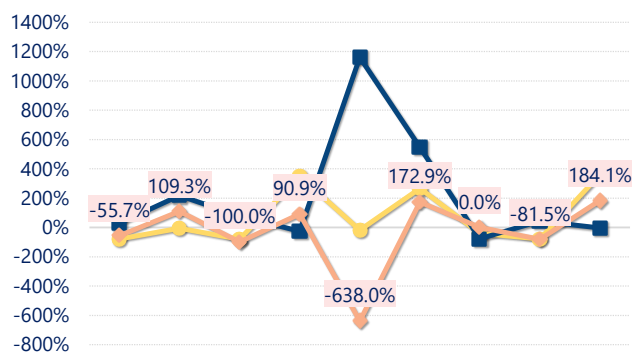
	9T 2025	
LN thuần	-19.8	YoY ▲ 9.80
		▲ 33.1%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	59.7	QoQ ▲ 110	YoY ▲ 101
		▲ 218%	▲ 243%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	-34.8	YoY ▲ 5.90
		▲ 14.4%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

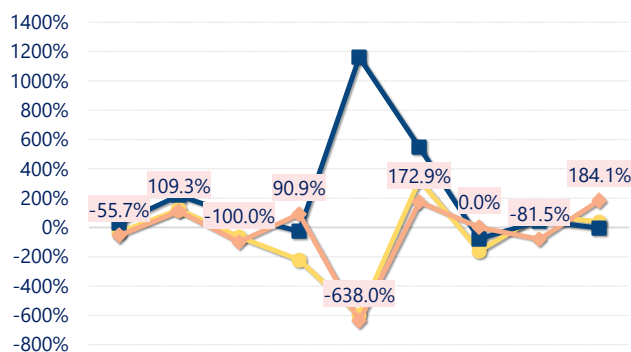


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

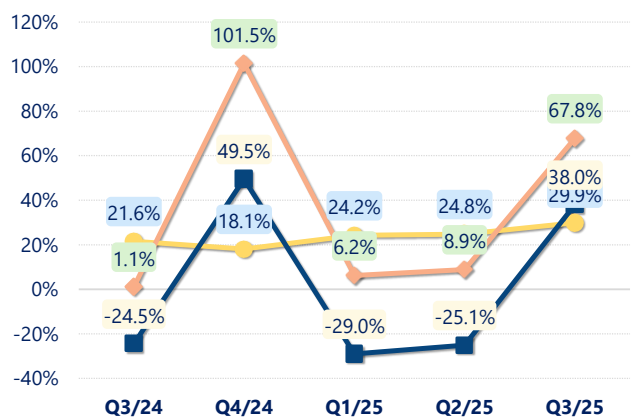


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

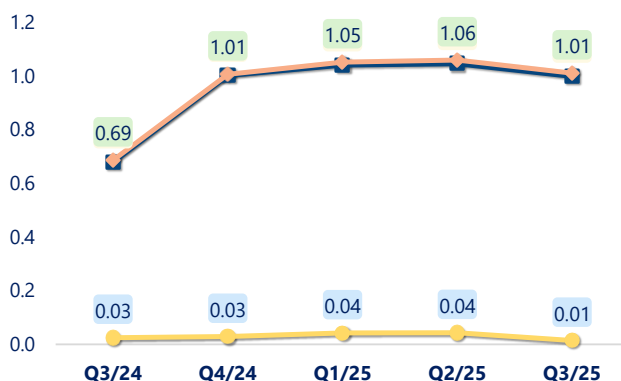
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

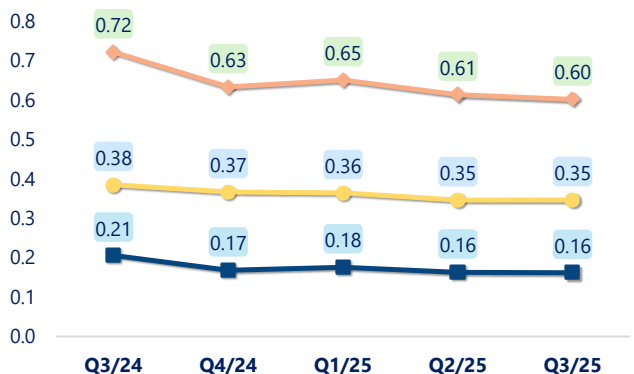
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

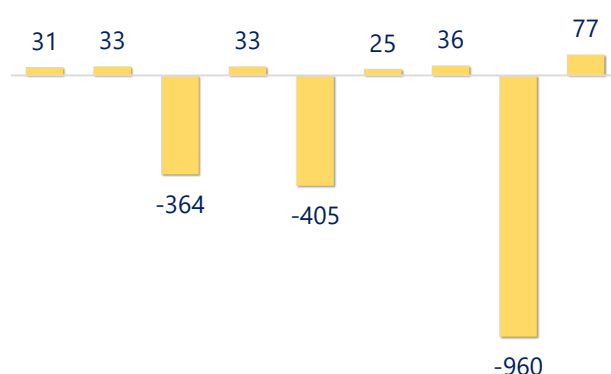
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	180	185	-2.9%	507	563	-10.0%
Giá vốn hàng bán	126	145	-13.1%	373	407	-8.4%
Lợi nhuận gộp	53.7	40.1	33.8%	134	156	-14.2%
Doanh thu HĐTC	105	4.64	2168%	114	86.1	32.1%
Chi phí TC	56.5	55.2	2.4%	176	177	-0.4%
Chi phí lãi vay	57.7	52.1	10.8%	172	169	1.8%
LN trong công ty LKLD	-2.25	-3.66	38.4%	-4.09	-10.6	61.3%
Chi phí bán hàng	11.5	10.0	14.6%	30.4	25.5	19.3%
Chi phí QLDN	20.4	21.1	-3.2%	57.0	59.1	-3.6%
LN thuần từ HĐKD	68.2	-45.4	250%	-19.8	-29.6	33.1%
Lợi nhuận khác	-4.15	-4.70	11.7%	-5.36	-4.18	-28.0%
LN trước thuế	64.1	-50.1	228%	-25.2	-33.8	25.5%
Lợi nhuận sau thuế	59.7	-41.7	243%	-34.8	-40.7	14.4%
LNST của CĐ cty mẹ	59.8	-41.1	245%	-34.8	-39.9	12.8%

(Nguồn: fireant.vn)

